| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH PHƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **50**/2025/DS-PT
Ngày: 28-3-2025

*V/v Thực hiện thay nghĩa vụ dân sự do người chết để lại; Yêu cầu chia di sản thừa kế; Yêu cầu công nhận Di chúc, hợp đồng có hiệu lực pháp luật; Công nhận đất và tài sản trên đất ; Yêu cầu tuyên bố Di chúc, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất vô hiệu*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Quang Ninh

*Các Thẩm phán*: Bà Đinh Thị Quý Chi

Ông Bùi Văn Bình

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2023/TLPT ngày 19/7/2024 về việc "Thực hiện thay nghĩa vụ dân sự do người chết để lại; Yêu cầu chia di sản thừa kế; Yêu cầu công nhận Di chúc, hợp đồng có hiệu lực pháp luật; Công nhận đất và tài sản trên đất ; Yêu cầu tuyên bố Di chúc, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 66/5A, đường số 4, khu phố 5, phường T, quận T, Thành phồ Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu phố Phú Mỹ, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1974; Địa chỉ Khu phố Phú Mỹ, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

**** Bị đơn:***

1. Bà Lê Thị N – sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

2. Cụ ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1927 (chết ngày 22/10/2021)

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ R:*

- Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1955; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1959; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Ông Nguyễn Thành C1, sinh năm 1965; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Thành C1: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp Phú Hưng, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1949 (Đã chết năm 2011)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T2: Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1955; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm 1959; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp Phú Hưng, xã Long Khánh, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Thành C1, sinh năm 1965; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

5 .Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1949 (Đã chết năm 2011)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T2: Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu vực 5, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. UBND huyện H - Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Xuân Trường – Chủ tịch UBND huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Xuân Trường: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H

7. UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị N.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức D, ông Nguyễn Ngọc Th trình bày:*

Ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Thành Ca, sinh năm: 1944 (đã chết) là chỗ quen biết (ông Ca là thầy theo tín ngưỡng Đạo phật của ông Nguyễn Hữu T). Vào các ngày 21/11/2013; 03/8/2016 ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Thành Ca đã 02 lần ký giấy vay tiền với tổng số tiền 2.700.000.000 đồng. Cụ thể các đợt giao tiền như sau: Ngày 21/11/2013 chốt lại tổng số 1.200.000.000 đồng, ngày 03/8/2016 vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Khi đưa tiền, hai bên có làm giấy xác nhận số tiền mà ông Ca vay là để mua đất và hợp đồng giao tiền mua đất có thế chấp bằng chính thửa đất được mua. Ngày 25/5/2021 ông Ca chết, cho đến nay ông Ca vẫn chưa trả cho ông T tiền gốc và lãi suất. Do ông Ca chết không để lại di chúc nên ông T yêu cầu người được thừa kế tài sản của ông Ca phải có nghĩa vụ đối với số tiền mà ông Ca đã vay của ông T.

Đối với số tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng tính tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo thời gian theo thỏa thuận, còn mức lãi suất là 10%/năm. Mặt khác tại Điều 3 của Hợp đồng vay tiền mua đất thế chấp bằng chính thửa đất được mua ngày 03/8/2016 giữa ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Thành Ca đã ký có nêu rõ nếu quá thời hạn vay (ngày 03/8/2016 – ngày 03/8/2019) mà ông Ca không thanh toán tiền vay gốc và lãi suất cho ông T thì ông Ca sẽ chuyển giao toàn bộ thửa đất trên cho ông T. Tuy nhiên ông Ca không giao thửa đất như cam kết cho ông T mà giao cho bà N.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Yêu cầu Toà án tuyên di chúc ngày 01/12/2010 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N vô hiệu;

2. Yêu cầu Toà án tuyên giấy tặng cho thành quả lao động và đất canh tác ngày 15/4/2013 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N vô hiệu;

3. Nếu có căn cứ giao đất cho bà N được hưởng thừa kế theo di chức thì đề nghị bà Lê Thị N phải thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Thành Ca cho ông Nguyễn Hữu T nghĩa số tiền vay là 2.700.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Nếu có căn cứ giao tài sản cho người thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận giữa ông Nguyễn Hữu T và những người kế

thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R tại bản thoả thuận ngày 22/8/2023 và đề nghị Toà án buộc bà Lê Thị N giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất với diện tích 32191,53m$^2$ và tài sản trên đất cho người thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca.

4. Đề nghị Tòa án đình chỉ một phần đối với yêu cầu tranh chấp diện tích đất vùng bán ngập có diện tích 300mx350m do nguyên đơn đã rút tranh chấp phần yêu cầu này.

5. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị N.

6. Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Thanh C (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R) đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của ông Nguyễn Thanh C.

*Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:* Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Thành Ca là thầy trò (thầy và đệ tử theo tín ngưỡng phật giáo). Năm 2006 ông Ca có dẫn bà N từ Thành phố Hồ Chí Minh đến tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước sinh sống. Năm 2010 ông Ca có lập Di chúc vào ngày 01/12/2010 để lại toàn bộ bất động sản và động sản cho bà N, việc lập di chúc có đại diện ban ấp Bàu Lùng và chính quyền địa phương là UBND xã T chứng nhận. Ngày 15/4/2013 ông Ca có lập "Giấy cho tặng thành quả lao động và đất canh tác" có nội dung cho bà N toàn quyền hưởng thành quả lao động và đất canh tác với diện tích khoảng 32000m$^2$ tọa lạc tại tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sự việc có ông Ngô Văn Hoàng là trưởng ấp thời điểm đó xác nhận. Do giữa ông Nguyễn Can và ông Nguyễn Thành Ca đã xảy ra tranh chấp, theo Bản án số 92/2014 ngày 03/10/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên xử ông Nguyễn Thành Ca phải trả lại cho ông Nguyễn Can diện tích đất 32.191,53m$^2$ và ông Nguyễn Can có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Thành Ca số tiền 1.444.478.956 đồng. Tuy nhiên do ông Nguyễn Can không có tiền để thanh toán nên tiếp tục thỏa thuận cấn trừ phần đất này cho ông Nguyễn Thành Ca (Việc cần trừ có lập thành văn bản và có công chứng của VPCC Hớn Quản). Năm 2021 ông Ca chết, ngoài di chúc đã lập trước đó để lại tài sản bao gồm bất động sản cho bà N thì không còn di chúc nào khác. Trước khi chết, ông Ca hoàn toàn không thông báo về việc có khoản nợ nào đối với ai. Đối với giấy tặng cho thành quả lao động ngày 09/4/2013 giữa ông Ca và ông T thì bà N không biết. Đối với việc quản lý, chăm sóc vườn cây cao su do bà N được khai thác mủ nên không có yêu cầu hay tranh chấp gì.

Nay bà Lê Thị N yêu cầu như sau:

1. Đề nghị Tòa án Công nhận "Giấy tặng cho thành quả lao động và đất canh tác" ngày 15/4/2013 giữa ông Ca và bà N có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận "Di chúc" ngày 01/12/2010 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N có hiệu lực pháp luật.

3. Công nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 32.191,53m$^2$ tọa lạc tại tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã Hiệp, huyện H, tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản trên đất là tải sản hợp pháp của bà Lê Thị N.

4. Đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng phần đất tọa lạc tại tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước có chiều ngang khoảng 300mx350m và toàn bộ tài sản trên đất. Do phía ông T đã rút yêu cầu nên bà N cũng rút yêu cầu không tranh chấp và đề nghị Tòa án đình chỉ phần yêu cầu này.

5. Đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

6. Đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu độc lập của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ R: ông Nguyễn Thanh C và đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh T1 trình bày:*

Ông Nguyễn Văn R và ông Nguyễn Thành Ca là cha con ruột. Ngày 25/5/2021 ông Nguyễn Thành Ca chết không để lại di chúc, do ông Ca là người tu hành không có vợ con, mẹ ruột ông Ca chết cách đây khoảng 30 năm nên cụ ông Nguyễn Văn R là người thừa kế duy nhất của ông Ca. Lúc còn sống ông Ca và ông T là chỗ quen biết thân thiết nên có mượn tiền của ông T nhưng chưa trả được. Hiện tại bà Lê Thị N đang chiếm giữ trái phép thửa đất nêu trên, đồng thời bà N đang làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Căn cứ để bà N chiếm giữ tài sản nêu trên là dựa vào Giấy tặng cho thành quả lao động của ông Ca tặng cho bà N vào năm 2013 và bản Di chúc ông Ca lập năm 2010. Tại thời điểm tặng cho tài sản và lập di chúc năm 2013, ông Ca chưa có tài sản. Đến năm 2016 ông Ca kí hợp đồng chuyển nhượng mua lại đất của ông Nguyễn Can theo văn bản thỏa thuận giao đất để cấn trừ nợ theo Hợp đồng công chứng số 0001897 ngày 05/8/2016 tại phòng Công chứng Hớn Quản. Như vậy đến năm 2016 thì ông Ca mới có tài sản nên việc tặng cho 03 thửa đất và lập di chúc cho 03 thửa đất là không có giá trị pháp lý.

Ông Huỳnh Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh C yêu cầu:

1. Đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng tặng cho thành quả lao động và quyền sử dụng đất giấy tay (có xác nhận của trưởng ấp Bàu Lùng) của ông Nguyễn Thành Ca cho bà Lê Thị N ngày 15/04/2013 vô hiệu.

2. Đề nghị Tòa án tuyên bố Di chúc ngày 01/12/2010 (có xác nhận của trưởng ấp Bàu Lùng) của ông Nguyễn Thành Ca cho bà Lê Thị N vô hiệu.

3. Nếu có căn cứ giao tài sản cho người thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận giữa ông Nguyễn Hữu T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R tại bản thoả thuận ngày 22/8/2023 và đề nghị Toà án buộc bà Lê Thị N giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất

với diện tích 32191,53m$^2$ và toàn bộ tài sản trên đất cho người thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca, ông C là người quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất, ông C sẽ giao lại tiền tương ứng thị phần người thừa kế ông Ca được hưởng sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Lê Thị N chấm dứt việc chiếm giữ, sử dụng trái pháp luật đối với 03 thửa đất nêu trên. Công nhận 03 thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca, công nhận cam kết các bên, thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản chuyển giao toàn bộ 03 thửa đất cho ông Nguyễn Hữu T để cấn trừ nợ. Giá trị di sản thừa kế sau khi thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản thừa kế, ông Nguyễn Hữu T phải trả lại cho các đồng thừa kế chúng tôi với tổng số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

4. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị N.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ R: ông Nguyễn Thành C1 và đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh T1 trình bày:*

Cụ ông Nguyễn Văn R và ông Nguyễn Thành Ca là cha con ruột. Ngày 25/5/2021 ông Ca chết không để lại di chúc, do ông Ca là người tu hành không có vợ con, mẹ ruột ông Ca chết cách đây khoảng 30 năm nên cụ ông Nguyễn Văn R là người thừa kế duy nhất của ông Ca. Lúc còn sống ông Ca và ông T là chỗ quen biết thân thiết nên có mượn tiền của ông T nhưng chưa trả được. Hiện nay do ông Ca đã chết, không có vợ con nên tài sản thừa kế của ông Ca thuộc quyền thừa kế duy nhất của cụ ông R. Do cụ ông R đã chết nên đề nghị Tòa án giao tài sản thừa kế cho ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Thành C1, ông C và ông C1 có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Ca đối với số tiền vay của ông T. Do ông C1 không có nhu cầu sử dụng đất nên đề nghị Tòa án giao cho ông C là người quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất, ông C sẽ giao lại tiền tương ứng thị phần người thừa kế thừa cụ ông R được hưởng sau khi trừ đi nghĩa vụ trả nợ cho ông T. Đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R là bà Nguyễn Thị Thanh H2, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã có văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế của cụ ông Nguyên Văn R đề nghị Tòa án chấp nhận.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Can trình bày:* Thửa đất mà ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị N tranh chấp tọa lạc tại tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước ông Nguyễn Can đã làm văn bản thỏa thuận với ông Ca theo văn bản thỏa thuận tại VPCC Hớn Quản, các bên đã thực hiện xong việc giao tiền và giao đất. Trong vụ án này ông Can không có ý kiến hay tranh chấp gì.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R: bà Nguyễn Thị Thanh H2, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày:*

Cụ ông Nguyễn Văn R và ông Ca là cha con ruột. Ngày 25/5/2021 ông Ca chết không để lại di chúc, ông Ca là người tu hành không có vợ con, mẹ ruột ông Ca chết cách đây khoảng 30 năm nên cụ ông R là người thừa kế duy nhất của ông Ca. Hiện nay do ông Ca đã chết, ông Ca không có vợ con nên tài sản thừa kế của ông Ca thuộc quyền thừa kế duy nhất của cụ R. Do cụ R đã chết nên đề nghị Tòa án giao cho ông tài sản thừa kế cho ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Thành C1, ông C và ông C1 có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Ca đối với số tiền vay của ông Nguyễn Hữu T. Đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R là bà Nguyễn Thị Thanh H2, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã có văn bản từ chối nhận tài sàn thừa kế của cụ  ông Nguyên Văn R đề nghị Tòa án chấp nhận.

*UBND huyện H trình bày:* Qua kiểm tra, đối chiếu với bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và bản đồ kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 của UBND huyện H thì thửa đất số 80, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước thuộc quy hoạch đất ở tại nông thôn và và đất trồng cây lâu năm. Thửa đất nêu trên thuộc quỹ đất nông nghiệp tách ra khỏi đất lâm phần sau quy hoạch 3 loại rừng giao về địa phương quản lý. Đối với tranh chấp của các đương sự trong vụ án đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*UBND xã T trình bày:* Về trình tự thủ tục bản di chúc ông Nguyễn Thành Ca được chứng thực ngày 01/12/2010 do ông Lê Văn Hiếu Chủ tịch UBND xã T ký, năm 2018 ông Hiếu nghỉ hưu và chuyển về quê tại tỉnh Bến Tre sinh sống nên địa phương không liên hệ được với ông Hiếu để xác minh thông tin sự việc chứng thực di chúc. Hiện nay UBND xã không lưu trữ hồ sơ chứng thực di chúc ngày 01/12/2010 của ông Nguyễn Thành Ca tại cơ quan.

UBND xã đã tiến hành làm việc với ông Ngô Văn Hoàng, lúc này ông H3 là ấp Trưởng ấp Bàu Lùng là người ký làm chứng tại bản di chúc. Ông H3 cho biết ngày 01/12/2010 ông Ca đi bằng xe Honda đến nhà ông và yêu cầu ông H3 xác nhận vào bản di chúc, ông H3 nhận thấy ông Ca khỏe mạnh bình thường, minh mẫn và đã ký vào bản di chúc trước mặt nên ông H3 ký làm chứng vào bản di chúc của ông Ca ngày 01/12/2010.

*- Người làm chứng ông Ngô Văn H3 trình bày:*

Tại thời điểm ông Ca và ông T thực hiện việc vay mượn tiền thì ông H3 không biết, khoảng năm 2019- 2020 thì ông Ca nói bán diện tích đất khoảng 3,2 héc ta tại ấp Bàu Lùng, xã T để có tiền trả nợ cho ông T. Ông Ca chỉ nói thiếu ông T nhiều tiền chứ không nói cụ thể là bao nhiêu tiền. Khoảng 15-20 ngày trước khi ông Ca chết, ông T có lên hỏi tiền ông Ca, ông Ca có nhờ vay tiền của ông H3 nhưng ông H3 không cho, còn sau đó sự việc như thế nào thì ông H3 không biết. Ông H3 cam đoan lời khai là đúng sự thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình. Do công việc bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông H3.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

- Buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R là ông Nguyễn Thanh C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền là 5.436.270.000 đồng.

- Tuyên bố di chúc ngày 01/12/2010 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N và giấy tặng cho thành quả lao động và đất canh tác ngày 15/4/2013 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N vô hiệu;

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị N về việc đề nghị Tòa công nhận di chúc ngày 01/12/2010 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N, giấy tặng cho thành quả lao động và đất canh tác ngày 15/4/2013 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N về việc đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị N.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh C về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Thành Ca.

- Giao quyền sử dụng đất 33714,3m$^2$ (CLN) và toàn bộ tài sản trên đất bao gồm 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 7,7m x4,2m =32,23m$^2$; 1350 cây cao su trồng năm 2008 thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Theo bản đồ chính quy năm 2022 của UBND xã T) cho ông Nguyễn Thanh C.

- Ông Nguyễn Thanh C có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với bà Lê Thị N đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Diện tích và tứ cận được thực hiện theo sơ đồ đo đạc ngày 16/01/2024 của công ty TNHHMTV đo đạc bản đồ Tấn Thành).

- Ông Nguyễn Thanh C có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thanh C1 số tiền là 3.355.265.000 đồng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T và một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị N về việc công nhận diện tích đất chiều ngang 300m, chiều sâu 350m đất tọa lạc tại ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04/5/2024, bị đơn bà Lê Thị N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa bản án sơ thẩm theo hướng không yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngày 06/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện H có Quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyễn yêu cầu độc lập đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước rút một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hơn Quản như sau:

- Nguyên đơn Nguyễn Hữu T không có quyền khởi kiện tranh chấp với bà Lê Thị N về hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà N và di chúc ông Ca để lại tài sản cho bà N. Toà cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Toà cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết đơn yêu cầu độc lập của người liên quan Nguyễn Thanh C sau khi đã tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về tố tụng: Từ thời điểm thụ lý vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Toà cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ; quyết định trong Bản án sơ thẩm chưa đảm bảo khách quan, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS:

Chấp nhận một phần kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 06/5/2024 của Viện KSND huyện H.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Lê Thị N.

Huỷ toàn bộ Bản án sơ thẩm số 06 ngày 22/4/2024 của TAND huyện H, tỉnh Bình Phước để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N và kháng nghị của VKS nhân dân huyện H trong thời gian luật định, hình thức và nội dung phù hợp quy định tại các Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ và có sai lầm trong việc đánh giá, áp dụng pháp luật, cụ thể như sau:

[3] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T được Toà cấp sơ thẩm thụ lý tại thông báo thụ lý số 71/TB-TLVA ngày 31/5/2022, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Tòa án công nhận giấy tặng cho thành quả lao động ngày 09/4/2013 và phần diện tích đất tọa lạc tại tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước có chiều ngang khoảng 300m, chiều sâu khoảng 350m là của ông Nguyễn Hữu T;

Yêu cầu Tòa án công nhận giấy xác nhận nợ ngày 21/11/2013, Hợp đồng vay tiền mua đất thế chấp bằng chính thửa đất được mua ngày 03/08/2016 và giao thửa đất có diện tích đất 32.191,53m²; tọa lạc tại tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước và toàn bộ tài sản gắn liền với đất cho ông Nguyễn Hữu T;

Yêu cầu Tòa án tuyên Giấy cho tặng thành quả lao động ngày 15/4/2013 vô hiệu.

Tuy nhiên theo thông báo thụ lý vụ án bổ sung số 03/TB-TLVA ngày 18/7/2023 thể hiện nguyên đơn ông T đề nghị Toà giải quyết như sau:

Buộc bà Lê Thị N cùng các đồng thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca có trách nhiệm liên đới chuyển giao đất cấn trừ nợ tương ứng với số tiền phải trả là 4.335.200.000 đồng. Yêu cầu tòa án tuyên bố di chúc tặng cho đất giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N có xác nhận của UBND xã T ngày 01/12/2010 vô hiệu. Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Thành Ca với ông Nguyễn Can theo hợp đồng công chứng số 0001897 ngày 05/8/2016 tại VPCC Hớn Quản có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T có yêu cầu:

1. Yêu cầu Toà án tuyên di chúc ngày 01/12/2010 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N vô hiệu;

2. Yêu cầu Toà án tuyên giấy tặng cho thành quả lao động và đất canh tác ngày 15/4/2013 giữa ông Nguyễn Thành Ca và bà Lê Thị N vô hiệu;

3. Nếu có căn cứ giao đất cho bà N được hưởng thừa kế theo di chúc thì đề nghị bà Lê Thị N phải thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Thành Ca cho ông Nguyễn Hữu T số tiền vay là 2.700.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Nếu có căn cứ giao tài sản cho người thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca đề nghị Toà án ghi nhận sự thoả thuận giữa ông Nguyễn Hữu T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ ông Nguyễn Văn R tại bản thoả thuận ngày 22/8/2023 và đề nghị Toà án buộc bà Lê Thị N giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất với diện tích 32191,53m$^2$ và tài sản trên đất cho người thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca.

Tuy nhiên toà cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng không buộc bà N trả tiền cho ông T; không tuyên công nhận các hợp đồng, thỏa thuận mà ông T đề nghị (không nhận định đánh giá các yêu cầu nêu trên như thế nào). Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện nêu trên của Toà cấp sơ thẩm là không đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Thời điểm khởi kiện nguyên đơn ông T chưa xác định được người thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca nên chỉ khởi kiện yêu cầu người đang quản lý di sản của ông Ca là bà N thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đã cho ông Ca vay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định được và đưa những người có quyền nhận di sản thừa kế của ông Ca vào tham gia tố tụng và thông báo cho ông T, bà N biết. Nên ông T đã có bổ sung đơn khởi kiện đề nghị những người thừa kế tài sản của ông Ca thực hiện nghĩa vụ ông Ca để lại, nhưng không nêu rõ, cụ thể đề nghị những ai. Toà cấp sơ thẩm không giải thích, hướng dẫn ông T làm lại đơn khởi kiện bổ sung mà thụ lý, giải quyết và tuyên buộc ông Nguyễn Thanh C thực hiện nghĩa vụ của ông Ca để lại. Mặt khác, ông Nguyễn Thành C1 (là một trong số những người được hưởng di sản thừa kế của ông ca để lại) không có yêu cầu độc lập, không đóng tạm ứng án phí nhưng Toà cấp sơ thẩm vẫn thụ lý, giải quyết chia di sản thừa kế cho ông C1. Việc thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện nêu trên của Toà cấp sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[5]. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (thể hiện tại Thông báo thụ lý số 34/2023/TB-TLVA ngày 04/12/2023) với nội dung: Đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị N chấm dứt việc chiếm giữ, sử dụng trái pháp luật đối với 32.191,5m$^2$ đất tọa lạc tại tổ 3, ấp Bàu Lùng, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Công nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên là di sản thừa kế của ông Nguyễn Thành Ca. Công nhận cam kết ngày 22/8/2023 (BL 88-90) giữa ông C, ông C1 với ông T, chuyển giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Nguyễn Hữu T để cấn trừ số nợ ông Ca đã vay của ông T. Ông T phải trả lại cho các đồng thừa kế của ông Ca (ông C) với tổng số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Tuy nhiên, Toà cấp sơ thẩm đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện (bổ sung tại phiên tòa) của ông C, quyết định giao quyền sử dụng đất diện tích đất nêu trên cho ông C. Ông C có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với bà Lê Thị N đối với thửa đất nêu trên. Việc Toà cấp sơ thẩm giải quyết như nêu trên là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6]. Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông T yêu cầu bà N và các đồng thừa kế của ông Ca trả cho ông T số tiền nợ gốc 2.700.000.000 đồng, gồm: 1.200.000.000 đồng chốt nợ ngày 21/11/2013 (không thỏa thuận tính lãi và hạn trả nợ cụ thể) và 1.500.000.000 đồng vay ngày 03/8/2016 (thời hạn vay 3 năm, lãi suất là 12%) cùng với tiền lãi của số nợ gốc 1.500.000.000 đồng (tính với lãi suất 10%/năm) theo quy định của pháp luật. Ông T tạm tính đến thời điểm khởi kiện, cả nợ gốc và lãi là 4.335.200.000 đồng. Nhưng khi giải quyết, Toà cấp sơ thẩm tính lãi luôn cả số nợ gốc 1.200.000.000 đồng (là 925.770.000 đồng) để buộc ông C trả ông T số nợ gốc và lãi lên tới 5.436.270.000 đồng. Việc Toà cấp sơ thẩm giải quyết như nêu trên là không đúng với quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản và vượt quá yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[7]. Theo lời khai của bà N và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện, từ năm 2010 đến nay, bà Lê Thị N có công sức đóng góp trong việc gìn giữ, tôn tạo, đầu tư, quản lý, sử dụng, canh tác cây trồng, hoa màu trên các thửa đất ông Ca tạo lập được và các tài sản trên đất để xác định bà N được hưởng giá trị tương ứng với bao nhiêu % theo di sản thừa kế của ông Ca là phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Toà cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để có căn cứ xác định và xem xét đến công sức đóng góp, giữ gìn, tôn tạo tài sản của bà N đối với khối di sản ông Ca để lại nêu trên là thiếu khách quan và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Mặc dù quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bà N không có yêu cầu tính công sức đóng góp trong việc gìn giữ, tôn tạo, đầu tư, quản lý, sử dụng, canh tác cây trồng, hoa màu trên các thửa. Tuy nhiên lẽ ra cấp sơ thẩm phải thu thập chứng cứ để xem xét cho bà N mới đảm bảo quyền lợi cho bà N bởi bà N đang yêu cầu công nhận di chúc và công nhận quyền sử dụng đất, đây là yêu cầu lớn hơn đối với yêu cầu tính công sức đóng góp trong việc gìn giữ, tôn tạo, đầu tư, quản lý, sử dụng, canh tác cây trồng, hoa màu trên thửa đất.

[8] Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án Toà cấp sơ thẩm tiến hành thu thập chứng cứ ngoài trụ sở Toà án nhưng không có xác nhận cơ quan tổ chức nơi lập biên bản, cũng như có rất nhiều sự nhầm lẫn, thiếu chính xác khi xác định giữa yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập với ý kiến của các đương sự trong

vụ án. Việc xác định thiếu chính xác như nêu trên dẫn đến việc giải quyết vụ án gặp nhiều khó khăn, không có sự định hướng để các đương sự trong vụ án thực hiện các quyền, nghĩa vụ để tự bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

[9] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị xác định những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng gồm: Ban quản lý rừng phòng hộ …; UBND xã T, Văn phòng công chứng huyện H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác định UBND xã T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ và Văn phòng công chứng huyện H thì nguồn gốc thửa đất, diện tích đất giữa ông Can và ông Ca đã hoàn thành không có tranh chấp nên việc xác định Ban quản lý rừng phòng hộ và Văn phòng công chứng huyện H vào tham gia tố tụng là không cần thiết.

Từ những phân tích nêu trên nhận thấy Tòa cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện dẫn đến việc giải quyết vụ án chưa đảm bảo tính khách quan, toàn diện, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Những thiếu sót vừa nêu, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên kháng nghị của VKSND huyện H là có căn cứ được chấp nhận một phần và kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần. Vì vậy, cần hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm được xem xét lại khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên không phải chịu.

[12] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ nêu trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Lê Thị N không phải chịu. Hoàn trả cho bà N số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005350 ngày 21/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Phước(1);
- TAND huyện H (2);
- Chi cục THADS huyện H (3);
- Các đương sự (11);
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS, KT (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quang Ninh**